

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 01/2018/QĐDS- ST

Ngày: 21- 6 - 2018

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ- TỈNH QUẢNG NGÃI**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Thanh Sang- Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Võ Văn Dương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Phổ- tỉnh Quảng Ngãi mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 58 /2018/TLST-VDS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về yêu cầu “ *công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định mở phiên họp số: 26/2018/QĐPH-ST, ngày 07 tháng 6 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: thôn T P, xã P P, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tại đơn yêu cầu về việc thuận tình ly hôn ngày 23/04/2018 và các bản tự khai của người yêu cầu là anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Y đều trình bày: Anh, chị tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 7 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P P, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, sau đó giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nên, từ tháng 02 năm 2017, anh, chị sống ly thân cho đến nay; phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, tình cảm giữa anh, chị không còn; anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Trần Gia N – sinh ngày 19/6/2011 và Trần Gia T – sinh ngày 16/01/2017. Khi ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao con chung tên Trần Gia N cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung tên Trần Gia T cho chị Y nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Anh, chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu.

Ngoài ra, anh, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên họp, chị Nguyễn Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu của chị và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung với anh Trần Quốc Tường.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ nhận định:

- Tại phiên họp, người yêu cầu là anh Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên họp, nhưng anh T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt anh T. Căn cứ vào khoản 02 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Y tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P P, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 22 tháng 7 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Anh, chị đều thừa nhận, quá trình chung sống giữa anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nên từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay anh, chị sống ly thân nhau; phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia N – sinh ngày 19/6/2011 và Trần Gia T – sinh ngày 16/01/2017. Anh, chị thỏa thuận giao con chung tên Trần Gia N cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung tên Trần Gia T cho chị Y nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu N, cháu T và có xem xét nguyện vọng của cháu N. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh, chị nêu trên là phù hợp, nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Anh, chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên, Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên không xét.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của anh T, chị Y.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 02 Điều 29, Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Y.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia N – sinh ngày 19/6/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Trần Gia T – sinh ngày 16/01/2017 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T, chị Y không cấp dưỡng tiền cho con. Anh T, chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị Yên đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001424, ngày 17/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Phong;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Trần Thanh Sang

